

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày 26 - 4 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Rạt
- Ông La Văn Việt

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn:** Ông Võ Thành C, sinh năm 1954 (có mặt)
- Bị đơn:** Bà Lại Thị L, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2024 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn ông Võ Thành C trình bày:

Ông và bà L có quen biết với nhau cùng là hàng xóm láng giềng nên trong năm 2020 ông có cho bà Châu Thị L1 mượn nhiều lần tiền tổng cộng là 130.000.000 đồng. Khi mượn bà L1 hứa 01 tháng trả nhưng không trả nên ông có đòi nhiều lần nhưng bà L1 vẫn không trả, ông có kêu bà L1 viết giấy hứa trả. Bà L1 có đồng ý viết giấy hứa ngày 20/12/2020 âm lịch sẽ trả 60.000.000 đồng, ngày 01/3/2021 âm lịch sẽ trả 70.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn bà L1 cũng không có thiện chí trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L1 trả cho ông 130.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ như giấy cam kết cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà [Châu Thị L1](#) xác định: có mượn tiền của ông [Võ Thành C](#) như ông [C](#) trình bày nêu trên nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn lãi thì bà xin không đồng ý trả.

Tại phần tranh luận ông [Võ Thành C](#) rút lại yêu cầu tính lãi chỉ đòi 130.000.000 đồng và không đồng ý cách trả dần của bà [L1](#).

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì bà [L1](#) mượn tiền ông [C](#) quá lâu không có thiện chí trả nên cần buộc [L1](#) trả cho ông [C](#) 130.000.000 đồng. Về lãi suất ông [C](#) không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông [Võ Thành C](#) nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà [Châu Thị L1](#) có hộ khẩu thường trú tại [ấp C B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An](#) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Ông [Võ Thành C](#) khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà [Lai Thị L](#) là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Ông [Võ Thành C](#) yêu cầu bà [Lai Thị L](#) trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; ông [Võ Thành C](#) có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: ông [Võ Thành C](#) khởi kiện yêu cầu bà [Lai Thị L](#) trả 130.000.000 đồng tiền mượn. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do nguyên đơn cung cấp gồm có: Giấy mượn tiền.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện: tại phiên tòa ông C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Bà L và ông C thống nhất bà L có nợ ông C là 130.000.000 đồng từ năm 2020 đến nay. Đây là tình tiết sự thật không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi mượn tiền bà L hứa 01 tháng trả nhưng không trả. Bà L có làm giấy tờ hứa với ông C ngày 20/12/2020 âm lịch sẽ trả 60.000.000 đồng, ngày 01/3/2021 âm lịch sẽ trả 70.000.000 đồng nhưng cũng không trả. Tại phiên tòa bà L xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết nợ nhưng không được phía ông C đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà L chậm trả tiền cho ông C là làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của ông C nên cần buộc bà L phải trả ông C 130.000.000 đồng là phù hợp không chấp nhận ý kiến xin trả dần của bà L.

[3]. Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà L phải chịu án phí.

Vicác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thành C về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bà Lai Thị L.

Buộc bà Lai Thị L trả cho ông Võ Thành C 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành C về việc yêu cầu bà L trả lãi chậm trả 0,83% trên số tiền chậm trả từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi xét xử sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lai Thị L phải chịu 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Ông C được miễn án phí nên không giải quyết việc hoàn lại.

5. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**